Thông số kỹ thuật

Ampe kìm AC/DC hiệu dụng thực hiển thị từ xa Fluke 381 với iFlex

Tính năng chính

Sẵn sàng cho mọi việc.

Fluke 381 thực hiện mọi việc bạn mong đợi từ ampe kìm, và còn cho phép bạn tháo màn hình để tăng tính linh hoạt. Giờ đây, một kỹ thuật viên có thể thực hiện các công việc trước đây cần hai người. Kẹp Fluke 381 xung quanh dây dẫn, tháo màn hình và đi ngang qua phòng để vận hành điều khiển hoặc tháo thiết bị bảo hộ, làm tất cả trong khi vẫn xem số đo thời gian thực.

Đầu dò dòng điện linh hoạt iFlex (đi kèm) mở rộng dải đo đến 2500 A ac, tăng tính linh hoạt cho màn hình, khả năng đo dây dẫn có kích thước bất tiện và khả năng tiếp cận dây.

Tuân thủ các điều kiện về an toàn
IEC/EN 61010-1:2001, 1000V CAT III, 600V CAT IV

Tổng quan sản phẩm: Ampe kìm AC/DC hiệu dụng thực hiển thị từ xa Fluke 381 với iFlex

Đặc điểm và lợi ích

- Công nghệ không dây cho phép tách màn hình xa đến 30 ft khỏi điểm đo, góp phần tăng tính linh hoạt mà không làm ảnh hưởng đến độ chính xác khi đo
- Màn hình tháo lắp được có nam châm có thể gắn thuận tiện ở nơi dễ nhìn
- Đầu dò dòng điện linh hoạt iFlex mở rộng dải đo đến 2500 A ac
- CAT IV 600 V, CAT III 1000 V
- Bộ lọc thông thấp được tích hợp và chức năng xử lý tín hiệu hiện đại cho phép sử dụng trong các môi trường điện nhiễu trong khi cung cấp số đo ổn định
- Công nghệ đo dòng điện khởi động độc quyền để lọc nhiễu và ghi lại dòng diện khởi động động cơ một cách chính xác như mạch bảo vệ nhận được
- Thiết kế tiện dụng vừa với tay bạn và có thể được sử dụng khi đeo thiết bị bảo hộ
- Bộ phát vô tuyến tự động đặt dải đo chính xác để bạn không phải thay đổi vị trí nút vặn khi thực hiện đo
- Bảo hành ba năm
- Túi đựng mềm

Tuân thủ các điều kiện về an toàn
IEC/EN 61010-1:2001, 1000V CAT III, 600V CAT IV

Thông số kỹ thuật: Ampe kìm AC/DC hiệu dụng thực hiển thị từ xa Fluke 381 với iFlex

Thông số kỹ thuật về điện	
Dòng điện AC qua miệng kìm	
Dải đo	999,9 A
Độ phân giải	0,1 A
Độ chính xác	2% ± 5 chữ số (10-100 Hz) 5% ± 5 chữ số (100-500 Hz)
Hệ số đỉnh (50/60 Hz)	3 @ 500 A 2,5 @ 600 A 1,42 @ 1000 A Thêm 2% cho C.F. > 2
Dòng điện AC qua đầu dò dòng điện linh hoạt	
Dải đo	999,9 A / 2500 A (45 Hz – 500 Hz)
Độ phân giải	0,1 A/1 A
Độ chính xác	3% ± 5 chữ số
Hệ số đỉnh (50/60 Hz)	3,0 ở 1100 A 2,5 ở 1400 A 1,42 ở 2500 A Thêm 2% cho C.F. > 2
Độ nhạy vị trí	

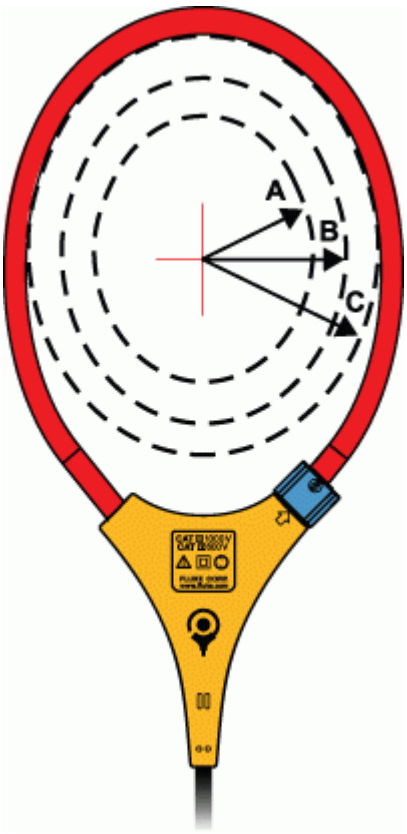

Khoảng cách từ vị trí tối ưu			
	i2500-10 Flex	**i2500-18 Flex**	**Lỗi**
A	0,5 in (12,7 mm)	1,4 in (35,6 mm)	±0,5%
B	0,8 in (20,3 mm)	2,0 in (50,8 mm)	±1,0%
C	1,4 in (35,6 mm)	2,5 in (63,5 mm)	±2,0%

Độ bất định của phép đo giả định dây dẫn chính trung tâm ở vị trí tối ưu, không có từ trường hoặc dòng điện bên ngoài và trong phạm vi nhiệt độ hoạt động.

Dòng điện DC	
Dải đo	999,9 A
Độ phân giải	0,1 A
Độ chính xác	2% ± 5 chữ số
Điện áp ac	
Dải đo	600 V /1000 V
Độ phân giải	0,1 V/1 V
Độ chính xác	1,5% ± 5 chữ số (20 – 500 Hz)
Điện áp DC	
Dải đo	600,0 V /1000 V
Độ phân giải	0,1 V/1 V
Độ chính xác	1% ± 5 chữ số
Tần số - Qua miệng kìm	
Dải đo	5,0 – 500,0 Hz
Độ phân giải	0,1 Hz
Độ chính xác	0,5% ± 5 chữ số
Mức khởi động	5 – 10 Hz, ≥ 10 A 10 – 100 Hz, ≥ 5 A 100 – 500 Hz, ≥ 10 A

Tần số qua đầu dò dòng điện linh hoạt	
Dải đo	Từ 5,0 đến 500,0 Hz
Độ phân giải	0,1 Hz
Độ chính xác	0,5% ± 5 chữ số
Mức khởi động	5 đến 20 Hz, ≥ 25 A 20 đến 100 Hz, ≥ 20 A 100 đến 500 Hz, ≥ 25 A
Điện trở	
Dải đo	600 Ω/6 kΩ/60 kΩ
Độ phân giải	0,1 Ω/1 Ω/10 Ω
Độ chính xác	1% ± 5 chữ số
Thông số kỹ thuật cơ học	
Kích thước (Dài x Rộng x Cao)	277 x 88 x 43 mm (55 mm cho bộ phận từ xa)
Khối lượng	350 g
Độ mở kìm	34 mm
Đường kính trong của đầu dò dòng điện linh hoạt	7,5 mm
Chiều dài dây cáp đầu dò dòng điện linh hoạt (từ đầu cho đến đầu nối điện)	1,8 m
Thông số kỹ thuật về môi trường	
Nhiệt độ vận hành	-10°C đến +50°C
Nhiệt độ bảo quản	-40°C đến +60°C
Độ ẩm vận hành	Không ngưng tụ (< 10°C) ≤ 90% RH (ở 10°C đến 30°C) ≤ 75% RH (ở 30°C đến 40°C) ≤ 45% RH (ở 40°C đến 50°C) (Không ngưng tụ)
Độ cao hoạt động	2.000 mét
Độ cao bảo quản	12.000 mét
EMI, RFI, EMC, RF	EN 61326-1:2006, EN 61326-2-2:2006 ETSI EN 300 328 V1.7.1:2006 ETSI EN 300 489 V1.8.1:2008 FCC Phần 15 Tiểu mục C Phần 15.207, 15.209, 15.249 FCCID: T68-F381 RSS-210 IC: 6627A-F381
Hệ số nhiệt độ	Thêm 0,1 x độ chính xác đã định cho mỗi độ C trên 28°C hoặc dưới 18°C
Tần số không dây	Dải ISM 2,4 GHz, tầm xa 10 m
Tuân thủ điều kiện về an toàn	ANSI/ISA S82.02.01:2004 CAN/CSA-C22.2 No. 61010-1-04 IEC/EN 61010-1:2001 to 1000V CAT III, 600V CAT IV.
Khoang hở cách điện kép	Theo IEC 61010-2-032
Đường dò cách điện kép	Theo EN/IEC 61010-1

Sự chấp thuận của các tổ chức	

Model

Fluke 381

Ampe kìm AC/DC hiệu dụng thực hiển thị từ xa với iFlex™

Phụ kiện đi kèm:

- Vòng đo dòng điện linh hoạt iFlex™ 18 inch
- Thẻ hướng dẫn sử dụng
- Tờ thông tin an toàn
- Túi đựng mềm
- Cáp đo TL75
- 5 pin kiềm AA

Optional accessories	Description
Fluke TLK289 - Industrial Master Test Lead Set	Fluke test leads, alligator clips and test probes broaden the ability to take meter measurements in different environments. Buy Online Now.
C345 Soft Carrying Case	The perfect case for carrying a wide range of Fluke handheld test tools and accessories.
Fluke C550 Tool Bag	Steel reinforced frame, rugged ballistic cloth with heavy duty hardware, large zippered storage compartment with 25 pockets, weather resistant.
Fluke TL175 TwistGuard™ Test Leads	Simply twist to change the exposed probe tip length.

Fluke. *Giữ cho thế giới của bạn. không ngừng vận động.*

Fluke Corporation
PO Box 9090, Everett, WA 98206 U.S.A.

For more information call:
In the U.S.A. (800) 443-5853
In Europe/M-East/Africa
+31 (0)40 267 5100
In Canada (905) 890-7600
From other countries +1 (425) 446-5500

Representative office of Fluke South East Asia Pte Ltd
C/O Danaher Vietnam
Green Power Tower, 11th Floor Unit 2
35 Ton Duch Thang Street, District 1
Ho Chi Minh City
Vietnam
Tel: +84-8-2220-5371 (ext 103)
Email: info.asean@fluke.com
www.fluke.com/vn
©2024 Fluke Corporation. Specifications subject to change without notice.
09/2024

Modification of this document is not permitted without written permission from Fluke Corporation.